

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 4 - 2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Hoàng Giang

2. Ông Phan Ngọc Lợi

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Q, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Chiêm Phúc V, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Ngọc T là nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh V tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G; thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn. Năm 2011, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V được Tòa án thụ lý sau đó chị đã rút đơn khởi kiện, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Đầu năm 2019, chị và anh V tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh V không lo làm ăn, cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi nhau. Mặc dù, chị và anh V chưa sống ly thân nhưng kể từ năm 2019 cho đến nay, chị không còn tình cảm với anh V.

Quá trình chung sống chị và anh V có 01 người con chung là cháu Chiêm Kiên H, sinh ngày 17/8/2006.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu được ly hôn với anh V; về con chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu được quyền nuôi cháu H, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị xác định giữa chị và anh V không có tranh chấp về việc nuôi con nên rút yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn với anh V, đề nghị Tòa án ghi nhận việc chị nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Chiêm Phúc V là bị đơn:* Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh V chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh V kết hôn 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh V; anh V không có ý kiến phản đối yêu cầu

của chị T. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh V.

Về con chung: Tại phiên tòa, chị T tự nguyện rút yêu cầu về việc tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh V. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử, nếu sau này có tranh chấp anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Chị Phan Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Chiêm Phúc V, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh V là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V. Tuy nhiên, anh V không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị T giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Chị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do V không lo làm ăn, cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi nhau. Mặc dù, anh chị chưa sống ly thân nhưng kể từ khi xảy ra mâu thuẫn chị và anh V không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không ai chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị T và anh V đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tòa án xác minh về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh V tại nơi cư trú, Trường khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho biết: Ban lãnh đạo khu phố không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh V.

Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị T và anh V nhưng không đạt kết quả do anh V vắng mặt; chị T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh V nên cương quyết yêu cầu ly hôn, anh V không có ý kiến phản đối yêu cầu của chị T; điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của chị T và anh V đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh V có một người con chung là cháu Chiêm Kiến H, sinh ngày 17/8/2006. Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, Tại phiên tòa chị T xác định giữa chị và anh V không có tranh chấp về việc nuôi con chung nên chị rút lại yêu cầu giải quyết về con. Xét thấy, việc rút yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn của chị T là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh V. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị T nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Trường hợp, chị T và anh V có tranh chấp về việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Ngọc T đối với anh Chiêm Phúc V.

2. Về con chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn giữa chị Phan Thị Ngọc T đối với anh Chiêm Phúc V. Ghi nhận ý kiến của chị Phan Thị Ngọc T nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chiêm Kiến H, sinh ngày 17/8/2006. Trường hợp, anh V và chị T có tranh chấp về việc nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005421 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 07/4/2021; anh Chiêm Phúc V có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện G;
- THA huyện G;
- UBND TT (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**